

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thúy Hằng.

2. Ông Đặng Văn Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2018/TLST - HS ngày 23 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 03 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. PVU, sinh năm 1987, tại tỉnh TN.

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh TN; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông PVS và bà TTĐ (đã chết); Có vợ tên NND và 01 người con sinh năm 2006; Tiền sự: không; Tiền án: Tại Bản án số 163/2006/HSPT ngày 06/9/2006, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (BLHS) xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 146/2007/HSST ngày 16/11/2007, TAND Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, g khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS xử phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 38/2009/HSST ngày 11/6/2006, TAND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 137/2009/HSPT ngày 23/6/2009, TAND tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm a, c khoản Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 16/7/2009, TAND huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 3 Điều 51 BLHS tổng hợp hình phạt 02 bản án trên buộc chấp hành hình phạt 07 năm tù, tại Trại giam Cây Cày thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an, đến ngày 28/01/2016 ra

trại, đã nộp xong án phí, chưa được xóa án tích do chưa đủ thời hạn luật định; Bị bắt tạm giữ ngày 12/9/2017, tạm giam từ ngày 18/9/2017 đến nay, (có mặt).

2. LCL, sinh năm 1997, tại tỉnh TN.

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh TN; Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông LQH và bà TTT; Vợ, con: chưa có; Tiền sự, tiền án: không; Bị bắt tạm giữ ngày 12/9/2017, tạm giam ngày 18/9/2017 đến nay, (có mặt).

3. PVD, sinh năm 1990, tại tỉnh TN.

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh TN; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao đài; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông PVC và bà LTD; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: Tại Bản án số 38/2011/HSST ngày 29/4/2011, TAND huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Cây Cày thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an, đến ngày 26/4/2017 ra trại, đã nộp xong án phí, chưa được xóa án tích do chưa đủ thời hạn luật định; Bị bắt tạm giam từ ngày 13/9/2017 đến nay, (có mặt).

- Bị hại:

+ Nguyễn Tấn D, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

+ Trần Tấn D, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

+ Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; Địa chỉ HKTT: xóm L, xã T, huyện C, tỉnh HT; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã B, huyện TB, tỉnh TN, (có mặt).

+ Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

+ Võ Trường H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: ấp B, xã G, huyện T, tỉnh TN, (có đơn xin vắng mặt).

+ Nguyễn Văn TT, sinh năm 1998; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh TN, (có mặt).

+ Nguyễn Thanh H, sinh năm 1997; Nơi cư trú: ấp X, xã P, huyện G, tỉnh TN, (có mặt).

+ Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện G, tỉnh TN, (có mặt).

+ Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh TN, (có mặt).

+ Phạm Thị Tú T, sinh năm 1987; Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh TN, (có mặt).

+ Võ Văn T, sinh năm 1962; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh TN, (có mặt).

+ Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 2000; Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Huỳnh N: Ông Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh TN, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, U rủ rê, bàn bạc với L, Đ và người tên Điền (không rõ địa chỉ) đi tìm xe mô tô của người khác để sơ hở trộm bán lấy tiền tiêu xài. U phân công cho L, Đ và Đ có nhiệm vụ khi phát hiện xe mô tô của người khác sơ hở, không có ai trông coi thì L, Đ, Đ đứng bên ngoài canh gác, U trực tiếp lấy trộm xe đem bán. Nếu bị phát hiện, U sẽ chạy đến L, Đ, Đ để tẩu thoát thì L, Đ, Đ đồng ý.

Vào khoảng 16 giờ ngày 10/9/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở L đến khu vực nhà thờ Bình Nguyên thuộc ấp Bình Nguyên 1, xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát hiện xe mô tô loại Exciter, màu xanh trắng đen, biển số 70K1-425.05 của anh H, sinh năm 1994, ngụ cùng ấp dựng phía trước nhà, không có ai trông coi. L đứng bên ngoài canh gác, U dùng thanh kim loại hình chữ T, dài khoảng 20 cm bẻ khóa xe, tháo bỏ biển số, điều khiển xe chạy về gửi nhà cha ruột của U là ông Phan Văn S tại ấp Phước Hòa, xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Sau khi mất xe, anh H trình báo Công an. Kết quả xác minh xác định U, L là người lấy trộm xe mô tô trên nên ngày 12/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bàng bắt khẩn cấp U, L và thu giữ vật chứng.

Ngoài ra, U, L Đ còn khai nhận: Từ tháng 4/2017 đến tháng 9/2017, cả ba cùng nhau bàn bạc và đã lấy trộm được 12 xe mô tô trên địa bàn các huyện Trảng Bàng, Gò Dầu, Hòa Thành và Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, cụ thể:

** Trên địa bàn huyện Trảng Bàng:*

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 06 giờ ngày 29/5/2017, Đ điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở U đến khu vực ấp Bình Phước, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng lấy trộm 01 xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 70L1-042.61 của anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1978, ngụ ấp B, xã B, huyện Trảng Bàng, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 4.000.000 đồng; U chia cho Đ 2.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 13 giờ ngày 26/6/2017, U một mình điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 đến khu vực ấp Phước Đông, xã Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng lấy trộm 01 xe mô tô loại Wave Alpha, màu đen bạc, biển số 70L1-371.89 của anh Trần Tấn D, sinh năm 1978, ngụ ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 7.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 14 giờ ngày 23/7/2017, U một mình điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 đến khu vực nhà tập thể của trường Trung học phổ thông Bình Thạnh thuộc ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng lấy trộm 01 xe mô tô loại Sirius, màu đen trắng, biển số 38Z1-5233 của anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986, ngụ ấp L, xã T, huyện C, tỉnh H, chạy sang Campuchia bán được 4.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 19 giờ ngày 23/7/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở L đến khu vực chợ Bình Thạnh thuộc ấp Bình Hòa, xã Bình Thạnh, huyện Trảng Bàng lấy trộm xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 70L1-308.56 của chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1985, ngụ ấp P, xã P, huyện T, chạy sang Campuchia bán được 5.000.000 đồng; U chia cho L 2.000.000 đồng.

** Trên địa bàn huyện Gò Dầu:*

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 4/2017, Đ.I điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở U đến khu vực cầu Bến Đình thuộc ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu lấy trộm xe mô tô loại Sirius, màu đỏ đen (chưa xác định được bị hại chạy sang Campuchia bán được 4.000.000 đồng; U chia cho Đ.I 2.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ ngày 26/8/2017, L điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở U đến khu vực Nghĩa trang Trà Võ thuộc ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu lấy trộm xe mô tô loại Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 70F1-476.37 của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998, ngụ cùng ấp, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 8.000.000 đồng; U chia cho L 3.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 18 giờ ngày 01/9/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở Đ đến khu vực ngã ba Cao Sơn Tự thuộc ấp Xóm Mía, xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu lấy trộm 01 xe mô tô loại Exciter, màu đỏ đen, biển số 70D1-118.52 của anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1997, ngụ cùng ấp, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 6.000.000 đồng; U chia cho Đ 2.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 14 giờ ngày 07/9/2017, L điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở U đến khu vực ngã tư Cẩm Giang thuộc ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu lấy trộm 01 xe mô tô loại Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 70F1-363.51 của anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990, ngụ ấp C, xã C, huyện G, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 5.000.000 đồng; U chia cho L 2.000.000 đồng.

** Trên địa bàn huyện Hòa Thành:*

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ ngày 24/8/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở L đến khu vực ngã ba Thiên Thộ Lộ thuộc ấp T, xã T, huyện H lấy trộm 01 xe mô tô loại Wave Alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70G1-349.64 của anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1990, ngụ ấp L, xã L, huyện H, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 7.000.000 đồng; U chia cho L 2.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/8/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở Đ đến khu vực Trung tâm thương mại L thuộc thị trấn H, huyện H lấy trộm 01 xe mô tô loại Wave Alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70G1-380.81 của chị Phạm Thị Tú T, sinh năm 1987, ngụ ấp L, xã L, huyện H, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 8.000.000 đồng; U chia cho Đ 2.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/9/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở Luận đến khu vực cầu Rạch Rễ Dưới thuộc ấp Trường Ân, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành lấy trộm 01 xe mô tô loại Wave RSX, màu đỏ đen, biển số 70G1-452.40 của ông Võ Văn T, sinh năm 1962, ngụ ấp T, xã T, huyện H, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 6.000.000 đồng; U chia cho L 2.000.000 đồng.

** Trên địa bàn huyện Dương Minh Châu:*

Vào khoảng 09 giờ ngày 02/9/2017, U điều khiển xe mô tô biển số 70U1-7053 chở L đến khu vực ấp T, xã T, huyện D lấy trộm 01 xe mô tô loại Wave

Alpha, màu trắng đen bạc, biển số 70F1-483.48 của chị Nguyễn Huỳnh N, sinh năm 2000, ngụ ấp 7, xã B, huyện G, chạy sang Campuchia bán cho người tên Rót được 5.000.000 đồng; U chia cho L 2.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 100, 101, 102, 103, 104 ngày 13/9/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xác định: xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng đen, biển số 70K1-425.05 có giá trị 25.900.000 (Hai mươi lăm triệu chín trăm nghìn) đồng; xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 70L1-042.61 có giá trị 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) đồng; xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn đen bạc, biển số 70L1-371.89 có giá trị 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng; xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 70L1-308.56 có giá trị 11.200.000 (Mười một triệu hai trăm nghìn) đồng; xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đen trắng, biển số 38Z1-5233 có giá trị 8.000.000 (Tám triệu) đồng; xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn đỏ đen, biển số 70L1-308.56 có giá trị 11.200.000 (Mười một triệu hai trăm nghìn) đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 86, 87, 88 ngày 27/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xác định: xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn đỏ đen, biển số 70D1-118.52 có giá trị 21.700.000 (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng; xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển số 70F1-363.51 có giá trị 12.800.000 (Mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng; xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển số 70F1-476.37 có giá trị 13.700.000 (Mười ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32 ngày 07/9/2017, số 34 ngày 15/9/2017, số 35 ngày 26/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xác định: xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển số 70G1-38081 có giá trị 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng; xe mô tô hiệu Honda, loại Wave RSX, màu sơn đen đỏ, biển số 70G1-452.40 có giá trị 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng; xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu sơn trắng đen bạc, biển số 70G1-349.64 có giá trị 9.000.000 (Chín triệu) đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 15/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xác định: xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển số 70F1-483.48 có giá trị 15.291.000 (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi một nghìn) đồng.

* Kết quả kê biên tài sản: U, L, D không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

* Về bồi thường thiệt hại: Anh Võ Trường H đã nhận lại xe không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh Nguyễn Tấn Đ yêu cầu U bồi thường 10.000.000 đồng; anh Trần Tấn D yêu cầu U bồi thường 14.400.000 đồng; anh Nguyễn Đức T yêu cầu U bồi thường 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Thuận yêu cầu U, L bồi thường 18.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành H yêu cầu U, Đ bồi thường 22.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn L yêu cầu U, L bồi thường 15.000.000 đồng. Anh Nguyễn Hoàng G, ông Võ Văn T, chị Nguyễn Huỳnh N, Nguyễn Thị Minh

H, Phạm Thị Tú T yêu cầu bồi thường như kết luận định giá tài sản. U, L Đ chưa bồi thường.

Riêng người tên Rót mua xe mô tô do U trộm và người tên Điền có hành vi trộm cắp xe mô tô cùng với U, hiện không rõ địa chỉ, không làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT/VKS ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố các bị cáo U, L, Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, Điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo U phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm a, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự; bị cáo Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ các điểm a, c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo U mức án từ 5 năm đến 6 năm tù; Căn cứ điểm a, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo bị cáo L mức án từ 3 năm đến 4 năm tù; Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ mức án từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù. Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (2015) đề nghị bồi thường thiệt hại và xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật. Các bị cáo không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện: tại phiên tòa các bị cáo U, L Đ khai nhận từ tháng 4/2017 đến ngày 10/9/2017, tại khu vực các xã Bình Thạnh, Phước Chỉ, huyện Trảng Bàng; xã Cẩm Giang, Phước Trạch, huyện Gò Dầu; thị trấn Hòa Thành, xã Trường Đông, huyện Hòa Thành; xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; do không có tiền tiêu xài, U rủ rê, bàn bạc với L, Đ lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu thực hiện 12 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 12 xe mô tô, có tổng giá trị 167.791.000 đồng; trong đó: U tham gia 12 vụ,

chiếm đoạt 12 xe mô tô, có tổng giá trị 167.791.000 đồng; L tham gia 07 vụ, chiếm đoạt 07 xe mô tô, có tổng giá trị 102.890.000 đồng; Đ tham gia 02 vụ, chiếm đoạt 02 xe mô tô, có tổng giá trị 34.700.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, nên có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với bị cáo U phạm vào điểm a, c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “phạm tội có tổ chức, tái phạm và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”. Đối với bị cáo L phạm vào điểm a, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “phạm tội có tổ chức, và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”. Riêng bị cáo Đ phạm vào điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “phạm tội có tổ chức”.

[3] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, trước khi phạm tội các bị cáo đã ý thức được rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, muốn được sở hữu tài sản bản thân mình phải bỏ công sức tạo lập mới có được. Nhưng xuất phát từ sự lười biếng, muốn có tiền tiêu xài mà không bỏ công sức lao động chân chính đã dẫn các bị cáo đến con đường phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo U là người chủ mưu rủ rê, chuẩn bị dụng cụ, tích cực thực hiện tội phạm và hưởng lợi nhiều nhất nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn hai bị cáo còn lại; Bị cáo L tham gia thực hiện tội phạm nhiều lần hơn và số tiền bị cáo được hưởng cũng nhiều hơn bị cáo Đ nên phải chịu mức hình phạt sau bị cáo U; Sau cùng là hình phạt dành cho bị cáo Đ. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nghĩ nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét mức đề nghị xử phạt hình phạt của Viện kiểm sát là phù hợp.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Tại cơ quan điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Đối với vụ trộm mà bị cáo U khai thực hiện vào khoảng tháng 4/2017 tại khu vực cầu Bến Đình, thuộc xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh chưa xác định được bị hại nên không đủ cơ sở xử lý trong vụ án này.

Đối với ông Phan Văn S có hành vi giữ xe mô tô của U nhưng không biết là tài sản do U trộm cắp mà có và không tham gia giúp sức nên không đủ cơ sở xử lý.

Riêng người tên Rót mua xe mô tô do U trộm cắp và người tên Điền có hành vi trộm cắp xe mô tô cùng với U nhưng hiện không rõ địa chỉ, không làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[6] Các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự (2015), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (2015) và Điều 589 Bộ luật dân sự (2015).

* Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bàng đã trả lại xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh trắng đen, biển số 70K1-425.05 cho anh Võ Trường H, anh H không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Cần buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản do bản thân mình đã chiếm đoạt theo giá trị tài sản mà Hội đồng định giá đã định là có căn cứ, cụ thể:

- Buộc bị cáo U phải bồi thường cho Nguyễn Tấn Đ 9.600.000 đồng, Trần Tấn D 12.600.000 đồng, Nguyễn Đức T 8.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo U và L phải liên đới bồi thường cho Nguyễn Văn T 13.700.000 đồng, Nguyễn Văn L 12.800.000 đồng, Nguyễn Hoàng G 9.000.000 đồng, Võ Văn T 15.000.000 đồng, Nguyễn Huỳnh N 15.291.000 đồng, Nguyễn Thị Minh H 11.200.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 38.495.500 đồng).

- Buộc bị cáo U và Đ phải liên đới bồi thường cho Nguyễn Thành H 21.700.000 đồng, Phạm Thị Tú Tr 13.000.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường 17.350.000 đồng).

* Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô loại Wave màu đỏ, biển số 70U1-0753, số máy RPTDS152FMH00186792, số khung RPHWCHXSM6H186792.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen số seri 1: 356004085574244, số seri 2: 356004085574251.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu đen, số IMEL1: 358860080166122/01, số IMEL2: 358861080166120/01.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu vàng, số IMEL1: 352205080595498, số IMEL2: 352206080595496.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NokiaC1, màu đen, số IMEL: 359727/04/874103/2.

Đây là các phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số: 000737, biển số 70U1-0753 mang tên Lê Thanh H, sinh năm 1971, ngụ tổ 4, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh TN.

- 01 chìa khóa vặn ốc màu trắng, trên thân có chữ ATC, có 01 đầu vặn loại 10 và 01 đầu vặn loại 12.

- 01 biển kiểm soát số: 62 LD-401.25.

Đây là các công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

8] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo PVU, M LCL PVĐ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Căn cứ vào điểm a, c, e khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo U 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo U.

- Căn cứ vào điểm a, e khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L 3 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ 2 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/9/2017

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự (2015), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (2015) và Điều 589 Bộ luật dân sự (2015).

* Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo U phải bồi thường cho Nguyễn Tấn Đ số tiền 9.600.000 (Chín triệu sáu trăm nghìn) đồng, Trần Tấn D số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, Nguyễn Đức T số tiền 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

- Buộc bị cáo U và L phải liên đới bồi thường cho: Nguyễn Văn T số tiền 13.700.000 (Mười ba triệu bảy trăm nghìn) đồng, Nguyễn Văn L số tiền 12.800.000 (Mười hai triệu tám trăm nghìn) đồng, Nguyễn Hoàng G số tiền 9.000.000 (Chín triệu) đồng, Võ Văn T số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng, Nguyễn Huỳnh N 15.291.000 (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi một) đồng, Nguyễn Thị Minh H 11.200.000 (Mười một triệu hai trăm nghìn) đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 38.495.500 (Ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

- Buộc bị cáo U và Đ phải liên đới bồi thường cho: Nguyễn Thành H số tiền 21.700.000 (Hai mươi một triệu bảy trăm nghìn) đồng, Phạm Thị Tú T 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng. Mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 17.350.000 (Mười bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- 01 xe mô tô loại Wave màu đỏ, biển số 70U1-0753, số máy RPTDS152FMH00186792, số khung RPHWCHXSM6H186792.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen số seri 1 là 356004085574244, số seri 2 là 356004085574251.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7, màu đen, số IMEL 1 là 358860080166122/01, số IMEL 2 là 358861080166120/01.

- 01 điện thoại di động hiệu SamsungGalaxyJ7, màu vàng, số IMEL 1 là 352205080595498, số IMEL 2 là 352206080595496.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NokiaC1, màu đen, số IMEL: 359727/04/874103/2.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số: 000737, biển số 70U1-0753 mang tên Lê Thanh H, sinh năm 1971, địa chỉ: tổ 4, ấp C, xã C, huyện G, tỉnh TN.

- 01 chìa khóa vặn ốc màu trắng, trên thân có chữ ATC, có một đầu vặn loại 10 và một đầu vặn loại 12.

- 01 biển kiểm soát số: 62 LD-401.25.

(Tất cả các vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh hiện đang quản lý).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc:

- Bị cáo U phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.302.275 (Bốn triệu ba trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

- Bị cáo L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.924.775 (Một triệu chín trăm hai bốn nghìn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

- Bị cáo Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 347.000 (Ba trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKS H.Trảng Bàng;
- CAH.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- Tòa án tỉnh Tây Ninh;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Đạt

